

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MẠNH YẾN
 Đ/c: 91 Yết Kiêu - P.Tân Hưng - TP Hải Phòng
 SĐT: 0374.116.906 - Ms Yến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG TH GIA LƯƠNG - THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN 33 - NĂM HỌC 2025 - 2026

Tuần 33 (từ ngày 04/05/2026 đến ngày 08/05/2026)

Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/04-05/2026	1	Thịt băm rang	Thịt sấn mông vai	64	125,000	8,000	Chất đốt	1,000	
	2	Trứng đảo tươi	Trứng vịt	40	62,000	2,480	Nhân công	2,000	
	3	Canh mồng tơi nấu tép	Mồng tơi	30	18,000	540	Thuế	1,482	
			Tép đồng	6	160,000	960	Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19,000	2,090			
	5		Rau thơm	4.24	35,000	148			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 3/05-05/2026	1	Giò lợn	Giò lợn	54	155,000	8,370	Chất đốt	1,000	
	2	Khoai tây cà rốt xào	Khoai tây cà rốt	60	18,000	1,080	Nhân công	2,000	
			Thịt nạc xay	6	125,000	750	Thuế	1,482	
	3	Canh rau ngót nấu thịt	Rau ngót	25	35,000	875	Khấu hao	300	
			Thịt nạc xay	7	125,000	875			
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19,000	2,090			
	5		Rau thơm	5.08	35,000	178			
6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000				
		Tổng				15,218		4,782	20,000

Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 4/06-05/2026	1	Thịt gà kho	Thịt gà CN bỏ cđcc	97	90,000	8,730	Chất đốt	1,000	
	2	Đậu rán rim	Đậu phụ	45	32,000	1,440	Nhân công	2,000	
	3	Canh bí xanh nấu gà	Bí xanh	50	18,000	900	Thuế	1,482	
			Thịt gà CN bỏ cđcc	10	90,000	900	Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19,000	2,090			
	5		Rau thơm	4.5	35,000	158			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 5/07-05/2026	1	Thịt kho	Thịt sấn mông vai	62	125,000	7,750	Chất đốt	1,000	
	2	Trứng luộc	Trứng gà	28	100,000	2,800	Nhân công	2,000	
	3	Canh mồng toi nấu té	Mồng toi	30	17,000	510	Thuế	1,482	
			Tép đồng	6	160,000	960	Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19,000	2,090			
	5		Rau thơm	3.08	35,000	108			
6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000				
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 6/08-05/2026	1	Tôm chiên	Tôm biển	43	195,000	8,385	Chất đốt	1,000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	50	32,000	1,600	Nhân công	2,000	
			Cà chua	10	18,000	180	Thuế	1,482	
	3	Canh bí đỏ nấu xương	Bí đỏ	60	17,000	1,020	Khấu hao	300	
Xương lợn			10	85,000	850				
4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19,000	2,090				

	5		Rau thơm	2.65	35,000	93			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000

HIỆU TRƯỞNG NHÀ TRƯỜNG

(Kí duyệt)



Phạm Thị Lý

NGƯỜI LẬP

Đinh Thị Hương Giang

Tổng tiền	100,000
5 ngày	5
thành tiền 1 suất	20,000

